



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 3700381324
Đăng ký Doanh nghiệp

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 15 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
	Ông Lý Văn Xuân	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Luân	Thành viên
	Ông Đinh Viết Duy	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ	Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
	Ông Lê Đình Hạnh	Phó ban
	Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 12 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số 19-01-00214-19-1



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		8.353.422.179.749	10.985.778.871.754
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	222.264.128.540	171.659.888.989
Tiền	111		222.120.606.665	171.516.367.114
Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	143.521.875
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.750.000.000	270.387.032
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	75.750.000.000	270.387.032
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.167.377.333.616	7.860.565.817.787
Phải thu của khách hàng	131	7	4.634.961.613.860	7.163.248.999.755
Trả trước cho người bán	132	8	60.553.917.594	184.158.011.340
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	-	3.660.295.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	480.496.148.586	515.431.702.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.634.346.424)	(5.933.191.565)
Hàng tồn kho	140	11	2.072.119.656.817	1.787.890.736.309
Hàng tồn kho	141		2.102.406.071.644	1.806.472.903.289
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(30.286.414.827)	(18.582.166.980)
Tài sản ngắn hạn khác	150		815.911.060.776	1.165.392.041.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	78.075.432.104	75.749.637.153
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		732.929.606.602	1.063.819.898.124
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	4.906.022.070	25.822.506.360

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.338.121.471.738	5.257.822.222.584
Các khoản phải thu dài hạn	210		292.077.985.517	268.984.943.607
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	68.956.017.357	66.686.721.457
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	223.121.968.160	202.298.222.150
Tài sản cố định	220		1.725.295.312.625	1.961.681.186.678
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.441.875.639.868	1.591.695.704.971
<i>Nguyên giá</i>	222		3.390.288.246.734	3.260.932.231.963
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.948.412.606.866)	(1.669.236.526.992)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	65.309.125.812	81.263.218.413
<i>Nguyên giá</i>	225		76.397.768.336	98.947.748.174
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(11.088.642.524)	(17.684.529.761)
Tài sản cố định vô hình	227	14	218.110.546.945	288.722.263.294
<i>Nguyên giá</i>	228		259.599.505.310	320.066.755.310
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(41.488.958.365)	(31.344.492.016)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.487.785.421	28.307.339.690
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	16.487.785.421	28.307.339.690
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.154.345.000.000	2.769.445.646.684
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	3.138.345.000.000	2.677.776.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	-	43.515.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	-	(13.445.353.316)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	16.000.000.000	61.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		149.915.388.175	229.403.105.925
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	128.815.049.868	207.352.425.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	21.100.338.307	22.050.680.527
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.691.543.651.487	16.243.601.094.338

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.712.594.884.188	10.859.529.755.393
Nợ ngắn hạn	310		7.662.216.467.599	10.785.335.064.915
Phải trả người bán	311	18	1.370.637.850.790	1.111.659.624.255
Người mua trả tiền trước	312	19	84.802.615.349	199.065.234.433
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	61.573.960.649	49.437.391.726
Phải trả người lao động	314		46.039.923.293	63.430.563.768
Chi phí phải trả	315	21	92.362.758.133	117.856.182.101
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	255.621.047.448	191.432.011.486
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	5.706.275.512.506	9.010.977.033.379
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	44.902.799.431	41.477.023.767
Nợ dài hạn	330		50.378.416.589	74.194.690.478
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	47.195.880.089	71.352.839.728
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	2.473.036.500	2.841.850.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.978.948.767.299	5.384.071.338.945
Vốn chủ sở hữu	410	26	5.978.948.767.299	5.384.071.338.945
Vốn cổ phần	411	27	4.234.694.890.000	3.849.903.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.234.694.890.000	3.849.903.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(2.459.000.000)	(1.343.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		55.626.670.135	60.509.750.556
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.539.503.023.643	1.323.418.124.868
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		928.395.663.920	818.143.985.703
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		611.107.359.723	505.274.139.165
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.691.543.651.487	16.243.601.094.338

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2019 VND	30/9/2018 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	44.795.852.916.502	59.977.961.162.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	25.815.045.304	113.760.574.901
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	44.770.037.871.198	59.864.200.587.465
Giá vốn hàng bán	11	30	42.509.205.331.768	57.061.310.696.192
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.260.832.539.430	2.802.889.891.273
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	400.189.675.049	539.309.325.068
Chi phí tài chính	22	32	439.093.531.704	614.816.857.761
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		399.146.337.196	458.729.805.247
Chi phí bán hàng	25	33	1.452.918.463.175	1.710.615.254.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	311.821.718.805	494.847.430.766
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		457.188.500.795	521.919.673.593
Thu nhập khác	31	35	245.868.531.680	52.932.603.565
Chi phí khác	32		4.540.253.461	1.114.182.751
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		241.328.278.219	51.818.420.814
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		698.516.779.014	573.738.094.407
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	86.459.077.071	57.537.903.508
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	950.342.220	10.926.051.734
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		611.107.359.723	505.274.139.165

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	698.516.779.014	573.738.094.407
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	351.886.248.928	322.385.755.534
Các khoản dự phòng	03	960.049.390	(25.511.932.453)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.468.280.700	47.305.340.201
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(488.127.106.820)	(486.088.302.864)
Chi phí lãi vay	06	399.146.337.196	458.729.805.247
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	963.850.588.408	890.558.760.072
Biến động các khoản phải thu	09	2.571.484.034.504	(2.360.829.298.260)
Biến động hàng tồn kho	10	(295.933.168.355)	3.644.342.779.949
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	517.210.365.393	(2.314.955.937.226)
Biến động chi phí trả trước	12	76.955.554.774	8.018.371.205
		3.833.567.374.724	(132.865.324.260)
Tiền lãi vay đã trả	14	(405.309.711.905)	(457.469.733.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(65.569.893.516)	(123.097.749.073)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.390.811.230)	(94.659.631.874)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.349.296.958.073	(808.092.438.984)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(236.953.833.251)	(267.516.192.217)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	281.379.640.355	164.810.675.146
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(105.390.000.000)	(297.965.882.761)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	76.870.387.032	116.105.320.725
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25	(14.766.000.000)	(181.954.141.602)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	18.018.280.991	156.446.681.583
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	13.147.284.616	5.427.688.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.305.759.743	(304.645.850.573)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(1.116.000.000)	(1.343.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	18.554.179.258.809	26.978.521.614.736
Tiền thu từ nợ gốc thuê tài chính thông qua hợp đồng bán và thuê lại tài sản	33	16.652.613.833	57.710.635.046
Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.860.836.633.450)	(25.622.600.226.615)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(36.886.118.070)	(14.177.118.427)
Tiền trả cổ tức	36	(225.251.900)	(350.060.974.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.328.232.130.778)	1.048.050.930.240
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	53.370.587.038	(64.687.359.317)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	171.659.888.989	239.918.988.521
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(2.766.347.487)	(3.571.740.215)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	222.264.128.540	171.659.888.989

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởngTrần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có 16 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2018: 15 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có 4.489 nhân viên (1/10/2018: 4.406 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán riêng, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 23). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty có khả năng tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động và vào khả năng Công ty tiếp tục duy trì được các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước.

Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc để cải thiện tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tiếp tục tìm thêm các nguồn tài chính cần thiết.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ không thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động hay Công ty sẽ không được tiếp tục sử dụng các hạn mức tín dụng từ các tổ chức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f) (ii).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) *Vốn cổ phần*

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) *Thặng dư vốn cổ phần*

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 1 tháng 10 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 30 tháng 9 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019			
Doanh thu	36.259.554.008.527	8.510.483.862.671	44.770.037.871.198
Giá vốn	(34.311.894.762.774)	(8.197.310.568.994)	(42.509.205.331.768)
	1.947.659.245.753	313.173.293.677	2.260.832.539.430
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018			
Doanh thu	47.554.460.913.811	12.309.739.673.654	59.864.200.587.465
Giá vốn	(45.735.617.545.530)	(11.325.693.150.662)	(57.061.310.696.192)
	1.818.843.368.281	984.046.522.992	2.802.889.891.273

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Tiền mặt	42.895.838.820	48.240.229.076
Tiền gửi ngân hàng	177.399.908.259	122.549.584.478
Tiền đang chuyển	1.824.859.586	726.553.560
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
	222.264.128.540	171.659.888.989

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là 5% (1/10/2018: 5%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 5,5% đến 6,4% (1/10/2018: 5,3%).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn giá trị 75 tỷ VND (1/10/2018: 270 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	-
Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phát hành (***)	-	46.600.000.000
	16.000.000.000	61.600.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2018: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%.

(***) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1% tại ngày 1 tháng 10 năm 2018. Trong năm, trái phiếu đã được thanh lý toàn bộ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2019			1/10/2018		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào các công ty con						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	420.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100%	150.000.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95%	114.000.000.000	-	70%	84.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	-	-	100%	16.276.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	15.000.000.000	-	100%	15.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	4.000.000.000	-	100%	4.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	100%	6.000.000.000	-	100%	3.500.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (i)	100%	-	-	100%	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận (ii)	100%	-	-	100%	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/9/2019			1/10/2018		
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn (iv)	99%	61.380.000.000	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (v)	95%	32.965.000.000	-	-	-	-
		3.138.345.000.000	-		2.677.776.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết						
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	-	-	-	45%	27.900.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	-	-	-	45%	15.615.000.000	(13.445.353.316)
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (iii)	49%	-	-	-	-	-
		-	-		43.515.000.000	(13.445.353.316)
		3.138.345.000.000	-		2.721.291.000.000	(13.445.353.316)

(i) Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4500607960 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận.

(ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4500607946 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.
- (iv) Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Công ty mua lại 54% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn (“Hoa Sen Quy Nhơn”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Quy Nhơn từ 45% lên 99% với giá mua 33.480 triệu VND.
- (v) Ngày 6 tháng 12 năm 2018, Công ty mua lại 50% vốn sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (“Hoa Sen Du Long”), nâng tỷ lệ sở hữu tại Hoa Sen Du Long từ 45% lên 95% với giá mua 17.350 triệu VND.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	13.445.353.316	35.933.075.667
Trích lập trong năm	-	13.445.353.316
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.445.353.316)	(35.933.075.667)
Số dư cuối năm	-	13.445.353.316

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.193.849.773.641	1.200.868.459.695
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	891.489.275.891	2.274.374.701.634
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	709.674.610.157	1.307.539.434.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	599.279.619.058	570.934.978.238
Các khách hàng khác	1.240.668.335.113	1.809.531.425.658
	4.634.961.613.860	7.163.248.999.755

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2018: 570.000 triệu VND nợ phải thu và 2.300.000 triệu VND nợ phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.193.849.773.641	1.200.868.459.695
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	891.489.275.891	2.274.374.701.634
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	709.674.610.157	1.307.539.434.530
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	599.279.619.058	570.934.978.238
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	350.873.130.558	291.904.280.843
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	18.396.882.422	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	120.453.182	15.062.949.385
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	-	775.500

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

8. Trả trước cho người bán

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	141.210.746.400
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	-	3.089.692.968
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	-	425.516.000
Bên thứ ba		
Glencore International AG	18.231.447.222	1.781.275.187
Công ty TNHH Thép Vương	14.070.540.000	-
Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Vũng tàu	11.239.581.644	9.189.153.750
Các nhà cung cấp khác	9.012.348.728	28.461.627.035
	60.553.917.594	184.158.011.340

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – công ty con	-	3.660.295.900

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 5,3% (1/10/2018: 5,3%). Trong năm, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã được chuyển đổi thành khoản phải thu về cho vay dài hạn.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con (*)	59.386.721.457	66.686.721.457
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – công ty con (**)	9.569.295.900	-
	68.956.017.357	66.686.721.457

(*) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2018: 8%).

(**) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 9%.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	335.992.976.173	358.392.102.244
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho người lao động	42.172.559.060	27.619.762.719
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	-	15.665.290.474
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	4.138.131.142	6.990.313.620
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.429.007.100	5.713.929.000
Phải thu khác	5.301.250.111	10.867.077.300
	480.496.148.586	515.431.702.357

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	3.240.016.429	6.654.971.231
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	923.312.250	923.312.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	898.114.713	335.342.389
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	89.195.500	118.970.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	16.000.000	13.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	16.000.000	13.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	215.594.389.876	161.600.175.097
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	105.657.512.793	144.875.735.339
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	8.123.622.505	34.568.169.073
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	6.627.350.999	11.529.995.357
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	5.818.027.378
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.870.000.000	-
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.474.025.000	91.550.690.256

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	222.016.729.000	202.093.222.150
Phải thu khác	1.105.239.160	205.000.000
	223.121.968.160	202.298.222.150

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/9/2019		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	456.751.932.912	-	47.688.056.628	-
Nguyên vật liệu	175.996.261.041	(2.180.301.928)	296.974.292.857	-
Công cụ và dụng cụ	177.042.260.035	-	215.430.530.762	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.817.698	-	17.520.962	-
Thành phẩm	750.671.538.786	(21.575.247.989)	734.738.921.821	(18.256.823.977)
Hàng hóa	541.939.261.172	(6.530.864.910)	511.623.580.259	(325.343.003)
	2.102.406.071.644	(30.286.414.827)	1.806.472.903.289	(18.582.166.980)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.285.431 triệu VND (1/10/2018: 1.229.353 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 có 95.835 triệu VND nguyên vật liệu, 158.926 triệu VND thành phẩm và 199.911 triệu VND hàng hóa (1/10/2018: 203.965 triệu VND thành phẩm và 4.470 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	18.582.166.980	22.786.661.832
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	11.704.247.847	(4.204.494.852)
Số dư cuối năm	30.286.414.827	18.582.166.980

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	484.937.564.384	2.401.947.096.614	307.161.463.198	47.326.150.145	19.559.957.622	3.260.932.231.963
Tăng trong năm	3.381.778.486	201.571.761.393	2.733.301.370	10.310.558.948	1.177.861.800	219.175.261.997
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	18.361.559.980	17.238.507.532	-	-	35.600.067.512
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	32.267.433.454	13.231.994.717	-	-	45.499.428.171
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(889.974.672)	(296.154.645)	-	-	-	(1.186.129.317)
Thanh lý	(3.112.611.358)	(76.531.265.110)	(88.527.404.706)	-	-	(168.171.281.174)
Xóa sổ	(36.799.182)	(1.524.533.236)	-	-	-	(1.561.332.418)
Số dư cuối năm	484.279.957.658	2.575.795.898.450	251.837.862.111	57.636.709.093	20.737.819.422	3.390.288.246.734
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	232.341.909.988	1.273.907.881.796	128.672.821.988	16.110.193.040	18.203.720.180	1.669.236.526.992
Khấu hao trong năm	25.341.063.591	260.363.613.156	30.916.824.358	8.549.498.504	836.471.148	326.007.470.757
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	17.087.537.128	5.242.661.931	-	-	22.330.199.059
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(315.607.791)	(126.547.331)	-	-	-	(442.155.122)
Thanh lý	(2.623.230.063)	(30.775.119.976)	(33.818.790.323)	-	-	(67.217.140.362)
Xóa sổ	(5.009.091)	(1.497.285.367)	-	-	-	(1.502.294.458)
Số dư cuối năm	254.739.126.634	1.518.960.079.406	131.013.517.954	24.659.691.544	19.040.191.328	1.948.412.606.866
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	252.595.654.396	1.128.039.214.818	178.488.641.210	31.215.957.105	1.356.237.442	1.591.695.704.971
Số dư cuối năm	229.540.831.024	1.056.835.819.044	120.824.344.157	32.977.017.549	1.697.628.094	1.441.875.639.868

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 420.590 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (1/10/2018: 375.601 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 18.869 triệu VND (1/10/2018: 17.634 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 356.980 triệu VND (1/10/2018: 740.876 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	32.267.433.454	48.043.951.084	18.636.363.636	98.947.748.174
Tăng trong năm	13.389.448.333	9.560.000.000	-	22.949.448.333
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(32.267.433.454)	(13.231.994.717)	-	(45.499.428.171)
Số dư cuối năm	13.389.448.333	44.371.956.367	18.636.363.636	76.397.768.336
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	11.513.583.443	5.961.606.343	209.339.975	17.684.529.761
Khấu hao trong năm	6.360.216.810	7.510.458.649	1.863.636.363	15.734.311.822
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.087.537.128)	(5.242.661.931)	-	(22.330.199.059)
Số dư cuối năm	786.263.125	8.229.403.061	2.072.976.338	11.088.642.524
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	20.753.850.011	42.082.344.741	18.427.023.661	81.263.218.413
Số dư cuối năm	12.603.185.208	36.142.553.306	16.563.387.298	65.309.125.812

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	273.943.659.765	46.123.095.545	320.066.755.310
Thanh lý	(60.467.250.000)	-	(60.467.250.000)
Số dư cuối năm	213.476.409.765	46.123.095.545	259.599.505.310
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.802.306.103	7.542.185.913	31.344.492.016
Khấu hao trong năm	2.553.074.427	7.591.391.922	10.144.466.349
Số dư cuối năm	26.355.380.530	15.133.577.835	41.488.958.365
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	250.141.353.662	38.580.909.632	288.722.263.294
Số dư cuối năm	187.121.029.235	30.989.517.710	218.110.546.945

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 1.801 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 (1/10/2018: 1.801 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 82.378 triệu VND (1/10/2018: 100.775 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	28.307.339.690	247.666.367.726
Tăng trong năm	35.426.731.027	71.050.520.158
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(35.600.067.512)	(277.353.929.013)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(700.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.170.150.833)	(9.827.761.767)
Thanh lý	(476.066.951)	(2.527.857.414)
Số dư cuối năm	16.487.785.421	28.307.339.690

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	12.381.694.368	23.206.143.020
Chi phí xây dựng	1.472.949.719	1.932.316.670
Khác	2.633.141.334	3.168.880.000
Tổng cộng	16.487.785.421	28.307.339.690

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Chi phí quảng cáo	17.509.179.783	26.163.164.737
Chi phí thuê	47.383.856.353	24.362.401.677
Công cụ và dụng cụ	3.702.503.887	9.308.630.023
Chi phí tư vấn	640.750.877	2.765.970.828
Chi phí sửa chữa	2.600.076.525	2.577.195.640
Phí bảo hiểm	324.931.858	1.679.401.673
Chi phí khác	5.914.132.821	8.892.872.575
Tổng cộng	78.075.432.104	75.749.637.153

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Bảng hiệu quảng cáo	38.709.350.763	47.986.279.155
Công cụ và dụng cụ	34.804.243.610	57.397.992.492
Chi phí thuê	24.900.681.838	67.919.903.057
Chi phí sửa chữa	15.735.657.785	23.626.356.355
Chi phí khác	14.665.115.872	10.421.894.339
	128.815.049.868	207.352.425.398

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Số dư đầu năm	207.352.425.398	216.697.658.464
Tăng trong năm	73.487.584.905	165.884.767.293
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	743.974.195	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.170.150.833	9.827.761.767
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.827.127.400)	-
Phân bổ trong năm	(152.233.598.531)	(157.599.490.710)
Thanh lý	(8.878.359.532)	(27.458.271.416)
	128.815.049.868	207.352.425.398

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	8.387.596.988	12.107.935.853
▪ Các khoản dự phòng	20%	7.784.152.250	7.592.142.372
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	3.843.101.926	582.741.890
▪ Chênh lệch tỷ giá	20%	559.610.798	714.348.043
▪ Khác	20%	525.876.345	1.053.512.369
		21.100.338.307	22.050.680.527

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tata Steel Limited	368.481.486.522	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	237.095.129.919	61.292.574.787
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	154.131.223.375	336.200.056.889
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	147.286.762.472	137.214.608.808
Các nhà cung cấp khác	463.643.248.502	576.952.383.771
	1.370.637.850.790	1.111.659.624.255

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	154.131.223.375	336.200.056.889
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	237.095.129.919	61.292.574.787
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	147.286.762.472	137.214.608.808
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	48.550.683.122	36.513.309.235
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	15.599.670.164
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	3.833.634.483	4.264.268.660
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	24.421.594	52.819.936

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Người mua trả tiền trước

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
PT. Great Fortune	11.985.548.861	4.548.500.000
Các nhà cung cấp khác	72.817.066.488	194.516.734.433
	<hr/>	<hr/>
	84.802.615.349	199.065.234.433
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cán trừ VND	Phân loại lại VND	30/9/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	47.404.709.014	5.120.013.318.154	(1.047.552.234.942)	(4.064.306.002.157)	3.305.017.004	58.864.807.073
Thuế xuất nhập khẩu	428.139.298	2.022.036.167	(2.371.828.093)	-	-	78.347.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	86.459.077.071	(65.569.893.516)	-	(20.889.183.555)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.603.969.286	12.255.060.814	(11.278.430.969)	-	(26.941.277)	2.553.657.854
Các loại thuế khác	574.128	3.386.384.287	(3.309.450.607)	-	(359.458)	77.148.350
	49.437.391.726	5.224.135.876.493	(1.130.081.838.127)	(4.064.306.002.157)	(17.611.467.286)	61.573.960.649

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/10/2018 VND	Phân loại lại VND	30/9/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.792.564.658	(20.889.183.555)	4.903.381.103
Các loại thuế khác	29.941.702	(27.300.735)	2.640.967
	25.822.506.360	(20.916.484.290)	4.906.022.070

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Chi phí dự phòng thuế	66.411.611.469	36.097.467.662
Chi phí vận chuyển	-	35.712.412.522
Chi phí lương và thưởng	16.336.050.500	23.755.410.000
Chi phí lãi vay	5.858.296.537	12.021.671.246
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.605.600.000	733.191.060
Chi phí tiền điện	9.305.207	9.412.829.611
Chi phí khác	141.894.420	123.200.000
	92.362.758.133	117.856.182.101

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	123.526.267.272	136.756.103.216
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	109.826.375.736	25.996.753.725
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.642.499.933	8.371.520.000
Cổ tức phải trả	4.269.621.525	4.494.873.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	797.311.160	6.272.088.850
Phải trả khác	11.558.971.822	9.540.672.270
	255.621.047.448	191.432.011.486

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/9/2019	1/10/2018
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	4.020.304.109	1.256.027.397
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	-	191.558.095
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	21.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận	19.500.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	319.600.000
	-	
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	320.000.000	-

Khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2018		Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	30/9/2019 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND			
Vay ngắn hạn	8.801.119.898.344	18.554.179.258.809	(21.684.624.609.125)	(1.967.601.634)	5.668.706.946.394	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	174.491.250.325	21.781.600.000	(174.491.250.325)	-	21.781.600.000	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	35.365.884.710	15.786.966.112	(35.365.884.710)	-	15.786.966.112	
	9.010.977.033.379	18.591.747.824.921	(21.894.481.744.160)	(1.967.601.634)	5.706.275.512.506	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Bên thứ ba				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.994.915.518.201	2.111.233.891.694
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	129.916.416.765	1.186.079.616.308
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.567.097.214.485	966.390.647.671
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	54.253.608.247	691.858.095.360
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	252.269.997.400	1.098.415.797.951
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	408.466.309.431
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iv)	VND	395.058.324.455	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(v)	VND	589.496.289.578	1.035.502.713.540
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(vi)	USD	299.706.629.722	148.320.106.584
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	-	390.501.383.564
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	USD	-	85.035.839.658
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	VND	132.961.671.917	135.900.000.000
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	114.584.761.996	134.418.629.258
▪ Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(x)	USD	85.446.513.628	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	(xi)	VND	-	125.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	(xii)	VND	-	108.024.412.792
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiii)	USD	-	105.972.454.533
▪ Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	VND	-	17.000.000.000
Bên liên quan				
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn – công ty con	(xv)	VND	53.000.000.000	53.000.000.000
			5.668.706.946.394	8.801.119.898.344

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	30/9/2019	Lãi suất	1/10/2018	Tài sản đảm bảo
Bên thứ ba						
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	3.000 tỷ VND	5,50% - 6,30%	5,50%	5,50%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.000 tỷ VND	6,20% - 5,90%	5,90%	5,90%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND USD	2.000 tỷ VND	6,00%	5,50% - 5,85%	5,85%	Phải thu của khách hàng
iv. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	6,00%	-	-	Hàng tồn kho
v. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	50 triệu USD	5,80% - 6,15%	4,50% - 4,70%	4,70%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất
vi. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	500 tỷ VND	4,20%	3,20%	3,20%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	-	6,40%	5,50% - 5,90%	5,90%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
viii. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	5,90%	5,00%	5,00%	Không có tài sản đảm bảo
ix. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	9 triệu USD	5,90% - 6,19%	4,20% - 4,50%	4,50%	Hàng tồn kho
x. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD	6,6 triệu USD	4,20%	-	-	Không có tài sản đảm bảo
xi. Ngân hàng Sumitomo Mitsui - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	-	6,40%	5,60%	5,60%	Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
		30/9/2019	1/10/2018	
Bên thứ ba				
xii. Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	-	5,95%	Hàng tồn kho và quyền sử dụng đất
xiii. Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	USD	-	3,00%	Không có tài sản đảm bảo
xiv. Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	-	5,85%	Máy móc và thiết bị
Bên liên quan				
xv. Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn - một công ty con	VND	-	5,50%	Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Vay dài hạn	53.875.915.280	230.087.939.605
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	30.888.530.921	51.122.035.158
	84.764.446.201	281.209.974.763
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(37.568.566.112)	(209.857.135.035)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	47.195.880.089	71.352.839.728

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(i)	VND	2022	52.094.315.280	72.094.315.280
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	(ii)	VND	2020	1.781.600.000	9.396.578.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	(iii)	VND	2019	-	9.291.229.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(iv)	VND	2019	-	135.924.771.861
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	(v)	VND	2019	-	3.381.044.964
				53.875.915.280	230.087.939.605

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng đảm bảo quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm là 8% (1/10/2018: 8%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là từ 9,5% đến 10,1% (1/10/2018: 8,7%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 10% (1/10/2018: 9%). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 9%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm là 8%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2019		1/10/2018	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	17.753.172.825	1.966.206.713	15.786.966.112	2.939.201.979
Trong vòng hai đến năm năm	16.277.518.116	1.175.953.307	15.101.564.809	952.674.041
	34.030.690.941	3.142.160.020	30.888.530.921	3.891.876.020
				51.122.035.158
				Nợ gốc VND

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	41.477.023.767	61.294.232.467
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	4.092.340.379	53.266.556.487
Hoàn nhập quỹ chưa sử dụng hết của năm trước	1.702.655.525	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.369.220.240)	(73.083.765.187)
Số dư cuối năm	44.902.799.431	41.477.023.767

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.618.854.251.238	5.304.940.005.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	505.274.139.165	505.274.139.165
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	349.936.450.000	-	-	-	(349.936.450.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.343.000.000)	-	-	(1.343.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(349.957.383.000)	(349.957.383.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	(53.266.556.487)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(21.575.866.687)	-	(21.575.866.687)
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.323.418.124.868	5.384.071.338.945
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	611.107.359.723	611.107.359.723
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	384.791.610.000	-	-	-	(384.791.610.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.116.000.000)	-	-	(1.116.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.092.340.379)	(4.092.340.379)
Phân bổ vào quỹ (**)	-	-	-	6.138.510.569	(6.138.510.569)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(11.021.590.990)	-	(11.021.590.990)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.539.503.023.643	5.978.948.767.299

(*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 6 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 38.479.161 cổ phiếu với mệnh giá 10.000/cổ phiếu.

(**) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, Công ty đã trích lập 1,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2019		1/10/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.469.489	4.234.694.890.000	384.990.328	3.849.903.280.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	245.900	2.459.000.000	134.300	1.343.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2019		30/9/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	384.856.028	3.848.560.280.000	349.996.683	3.499.966.830.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	38.479.161	384.791.610.000	34.993.645	349.936.450.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(111.600)	(1.116.000.000)	(134.300)	(1.343.000.000)
Số dư cuối năm	423.223.589	4.232.235.890.000	384.856.028	3.848.560.280.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Trong vòng một năm	168.318.890.487	120.530.357.667
Trong vòng hai đến năm năm	667.739.890.987	432.335.802.440
Trên năm năm	669.893.009.734	449.691.597.286
	1.505.951.791.208	1.002.557.757.393

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2019		1/10/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.014.396	23.480.155.726	921.491	21.441.212.800
EUR	-	-	229	6.193.888
AUD	-	-	0,54	8.974
		23.480.155.726		21.447.415.662

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty:

	30/9/2019 VND	1/10/2018 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.076.133.500	12.968.628.192

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	28.574.191.796.022	40.327.474.385.158
▪ Bán thành phẩm	16.174.770.949.499	19.610.603.182.865
▪ Khác	46.890.170.981	39.883.594.343
	<hr/>	<hr/>
	44.795.852.916.502	59.977.961.162.366
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	5.993.686.605	91.463.945.910
▪ Hàng bán bị trả lại	10.758.092.293	18.018.812.564
▪ Giảm giá hàng bán	9.063.266.406	4.277.816.427
	<hr/>	<hr/>
	25.815.045.304	113.760.574.901
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	44.770.037.871.198	59.864.200.587.465

30. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	27.843.567.769.023	39.027.616.532.190
▪ Thành phẩm đã bán	14.650.169.394.905	18.026.161.263.960
▪ Khác	3.763.919.993	11.737.394.894
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm	11.704.247.847	(4.204.494.852)
	<hr/>	<hr/>
	42.509.205.331.768	57.061.310.696.192

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	9.558.369.470	11.895.595.465
Lợi nhuận được chia	336.196.144.385	358.392.102.244
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.435.161.194	66.882.399.885
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	-	102.139.227.474
	400.189.675.049	539.309.325.068

32. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	399.146.337.196	458.729.805.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.007.238.368	129.354.124.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.468.280.700	47.305.340.201
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(13.445.353.316)	(22.487.722.351)
Chi phí tài chính khác	917.028.756	1.915.310.041
	439.093.531.704	614.816.857.761

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	465.422.257.831	490.320.212.399
Chi phí xuất khẩu	342.477.520.100	565.192.324.587
Chi phí thuê	149.742.260.035	100.450.397.373
Chi phí khấu hao và phân bổ	135.231.920.322	109.169.791.292
Chi phí quảng cáo	104.833.377.549	113.452.026.850
Chi phí vận chuyển	96.474.932.596	127.286.438.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.103.924.195	52.916.530.386
Chi phí khác	114.632.270.547	151.827.532.721
	1.452.918.463.175	1.710.615.254.221

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND (Đã phân loại lại)
Chi phí nhân viên	103.024.437.567	198.883.844.466
Chi phí khấu hao và phân bổ	36.119.987.900	42.274.183.257
Chi phí thuê	28.462.957.764	40.582.438.593
Chi phí tiếp khách	14.244.841.954	18.897.878.597
Chi phí dịch vụ chuyên môn	9.171.517.683	11.705.699.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.493.678.386	54.108.920.855
Chi phí khác	83.304.297.551	128.394.465.482
	311.821.718.805	494.847.430.766

35. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	142.372.592.965	16.148.077.681
Tiền bồi thường thu được	2.233.381.031	27.904.180.851
Các khoản khác	101.262.557.684	8.880.345.033
	245.868.531.680	52.932.603.565

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.066.484.527.270	16.617.021.783.833
Chi phí nhân công và nhân viên	635.988.686.522	796.124.614.877
Chi phí khấu hao và phân bổ	351.886.248.928	322.385.755.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	821.162.641.453	1.241.247.047.448
Chi phí khác	614.699.782.838	650.150.547.377

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	86.459.077.071	57.537.903.508
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	950.342.220	10.926.051.734
	87.409.419.291	68.463.955.242

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	698.516.779.014	573.738.094.407
Thuế theo thuế suất của Công ty	139.703.355.803	114.747.618.881
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.945.292.365	25.394.756.810
Thu nhập không bị tính thuế	(67.239.228.877)	(71.678.420.449)
	87.409.419.291	68.463.955.242

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	10.277.637.796.063	13.779.143.441.900
Mua hàng hóa và thành phẩm	11.771.372.054.729	14.995.785.607.702
Điều chuyển/bán tài sản cố định	205.664.635	888.237.430.939
Hàng bán bị trả lại	-	1.980.258.020
Trả lại hàng mua	297.325.320	2.510.365.445
Lợi nhuận được chia	8.123.622.505	34.568.169.073
Chi hộ	130.869.456.620	152.580.172.648
Bán khác	2.548.006.364	4.783.074.700
Mua khác	144.292.898	80.969.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.564.914.020.422	4.827.327.999.833
Mua hàng hóa và thành phẩm	3.196.114.481.029	3.715.489.723.137
Bán tài sản cố định	4.771.478.579	87.000.000
Mua tài sản cố định	1.389.200.000	136.202.200
Doanh thu từ cho thuê tài sản	174.500.000	88.409.095
Chi phí thuê	258.946.015	100.000.010
Hàng bán bị trả lại	1.562.510.453	1.329.668.691
Lợi nhuận được chia	105.647.612.793	144.875.735.339
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	607.336.952	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Mua hàng hóa và thành phẩm	33.406.182	401.957.962
Mua tài sản cố định	2.657.188.816	100.000.000
Doanh thu từ cho thuê tài sản	3.614.419.336	7.956.000.000
Chi phí vận chuyển	17.253.777.856	48.534.481.409
Chi phí thuê	176.000.000	607.696.966
Lợi nhuận được chia	203.168.212	5.818.027.378

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.131.136.670	24.296.754.944
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.488.664.532.969	1.082.877.495.563
Góp vốn	-	50.000.000.000
Lợi nhuận được chia	6.627.350.999	11.529.995.357
Bán tài sản cố định	10.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	4.375.691.067.150	9.626.602.855.004
Mua hàng hóa và thành phẩm	4.983.188.835.106	7.502.610.322.840
Bán tài sản cố định	1.156.685.588	5.913.155.809
Mua tài sản cố định	1.138.870.440	-
Doanh thu từ cho thuê tài sản	-	38.000.000
Trả lại hàng mua	4.851.635.477	6.407.186.748
Hàng mua được giảm giá	251.036.621	168.333.118
Chi phí thuê	372.111.833	327.272.724
Góp vốn	-	650.000.000.000
Lợi nhuận được chia	215.594.389.876	161.600.175.097
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.710.398.642.772	1.416.755.238.005
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.518.416.136.050	1.224.289.168.009
Bán tài sản cố định	1.747.943.215	-
Hàng bán bị trả lại	275.373.509	154.174.786
Trả lại hàng mua	611.276.883	1.804.591.517
Thu nhập từ tiền lãi	-	708.702.055
Góp vốn	350.000.000.000	220.000.000.000
Cho vay	-	132.500.000.000
Bán khác	68.053.769	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.130.344.289	44.779.573.986
Mua hàng hóa và thành phẩm	833.780.298.039	849.169.547.389
Bán tài sản cố định	-	2.904.000.000
Hàng bán bị trả lại	71.190.100	86.112.315
Doanh thu từ cho thuê tài sản	323.000.000	171.000.000
Đi thuê hoạt động	78.000.000	264.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Cho vay	22.700.000.000	84.022.894.522
Thu nhập từ tiền lãi	4.583.178.812	6.103.354.523

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019	30/9/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	283.201.838.656	403.345.547.024
Mua hàng hóa và thành phẩm	191.023.808.607	49.562.550.487
Cho vay	-	43.406.984.582
Góp vốn	-	150.000.000.000
Đi thuê hoạt động	3.417.000.000	1.790.793.080
Khác	-	541.587.113
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	2.500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn		
Vay	53.000.000.000	53.000.000.000
Lãi vay	2.764.276.712	1.256.027.397
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long		
Chuyển nhượng vốn	-	13.585.000.000
Cho vay	5.940.000.000	12.160.295.900
Góp vốn	-	4.500.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	562.772.324	335.342.389
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Bán hàng hóa và thành phẩm	63.832.107	1.704.016.764
Mua hàng hóa và thành phẩm	241.520.896.612	215.951.772.945
Cho vay	-	10.605.320.725
Lãi cho vay	-	281.965.103
Mua tài sản cố định	-	657.083.010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.222.110.174.059	4.247.355.470.991
Mua hàng hóa và thành phẩm	459.762.175.044	2.131.902.739.532
Bán tài sản cố định	32.476.307.578	40.961.909.490
Mua tài sản cố định	202.978.077.818	-
Chiết khấu thương mại	-	43.093.355.162
Hàng bán bị trả lại	2.098.483.579	3.595.809.964
Doanh thu từ cho thuê tài sản	4.198.466.388	1.828.130.909
Chi phí vận chuyển	41.633.162.447	43.220.427.887
Dịch vụ gia công	910.242.733	1.146.734.978
Bán khác	1.138.936.694	635.617.480
Chi phí thuê hoạt động	4.486.071.500	447.272.724
Giảm giá hàng bán	21.245.500	-
Các bên liên quan khác		
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	12.037.488.915	16.987.072.159
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	2.340.000.000	2.270.000.000

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2019 VND	30/9/2018 VND
Chuyển đổi công nợ phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	405.377.723.185	880.253.224.847
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	358.595.270.456	529.548.072.432
Cần trừ phải thu từ bán tài sản và thu từ nợ gốc thuê tài chính	6.296.834.500	15.472.446.001

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.


Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
		30/9/2018 VND (đã phân loại lại)	30/9/2018 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	25	1.710.615.254.221	1.493.660.136.661
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	494.847.430.766	711.802.548.326

Ngày 20 tháng 12 năm 2019

Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc